

THÔNG TIN CUNG CẤP PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Công văn số .../UBND-VHTT ngày tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Thông tin chung	Cơ quan, đơn vị			Số liệu
		Sở, ban, ngành	UBND cấp huyện	UBND cấp xã	
1	Tên cơ quan, đơn vị	x	x	x	
2	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở	-	x	x	Công an Tp cung cấp
3	Số lượng người dân từ 18 tuổi trở	-	x	x	Công an Tp cung cấp
4	Số lượng khu phố, thôn, xóm và tương đương	-	x	x	Phòng VHTT
5	Số lượng đơn vị trực thuộc	x	x	-	Phòng NV cung cấp
6	Số lượng CBCC	x	x	x	Phòng NV cung cấp
7	Số lượng viên chức (không tính viên chức thuộc sự nghiệp y tế,	x	x	-	Phòng NV cung cấp
8	Số lượng máy chủ vật lý	x	x	-	Phòng VHTT
9	Số lượng máy trạm	x	x	x	Phòng VHTT
10	Số lượng hệ thống thông tin	x	x	-	Phòng VHTT
11	Số lượng doanh nghiệp	x	x	-	Phòng VHTT
12	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa	x	x	-	Phòng Kinh tế, Phòng TC-KH
13	Số lượng thủ tục hành chính	x	x	x	Văn phòng HĐND và UBND
14	Số lượng DVCTT toàn trình	x	x	x	
15	Số lượng DVCTT một phần	x	x	x	
16	Đầu mối liên hệ	x	x	x	
17	Số điện thoại	x	x	x	

Lưu ý: Đối với các dòng đánh dấu "X" đề nghị các cơ quan, đơn vị điền số liệu tương ứng vào cột "Số liệu"

CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Công văn số .../UBND-VHTT ngày tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
I	NHẬN THỨC SỐ			6	0	0	
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số	- Bí thư hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng BCD: 50% điểm. - Người đứng đầu các phòng, ban liên quan cấp huyện tham gia thành viên BCD: 50% điểm. - Không đứng thành phần theo quy định: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VHTT
2	Trưởng BCD chủ trì các buổi họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số	- Chủ trì đầy đủ: điểm tối đa - Chủ trì không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa - Không phát sinh cuộc họp: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số do Trưởng BCD ký phát hành	Số lượng văn bản do Trưởng BCD ký về chuyển đổi số/Tổng số văn bản về chuyển đổi số - 100% văn bản triển khai kịp thời: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Lãnh đạo đơn vị tham dự đầy đủ các buổi Hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức	- Tham dự đầy đủ: điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5	Hệ thống đài truyền thanh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao
6	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: điểm tối đa. - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần/12 tháng: 50% điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
II	THỂ CHẾ SỐ			10	0	0	
1	Lập, xây dựng, ban hành Kế hoạch hằng năm của cơ quan, đơn vị về chuyển đổi số theo đúng thời gian, biểu mẫu quy định	- Lập kế hoạch theo đúng thời gian, biểu mẫu: 1 điểm. - Đã ban hành KH theo đúng thời gian, biểu mẫu quy định: 1 điểm. - Thực hiện chưa theo đúng quy định: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Phòng VHTT
2	Ban hành văn bản đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số trong năm.	- Đã ban hành kịp thời: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
3	Triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29/02/2024, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024)	- Đã triển khai: Điểm tối đa - Chưa triển khai: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Các Phòng: TC-KH, TNMT tham mưu UBND TP văn bản triển khai; (các phòng CM văn bản triển khai của đơn vị)
4	Ban hành danh mục DVCTT toàn trình, một phần giảm thời gian khi thực hiện trực tuyến và đề nghị cấu hình kịp thời lên HTTT giải quyết TTHC tỉnh.	- Đã ban hành và cấu hình kịp thời: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Văn phòng HĐND và UBND cung cấp Kế hoạch, Văn bản tham mưu của TP.VT (<i>các phòng CM văn bản triển khai của đơn vị</i>)
5	Xây dựng Kế hoạch đột phá về chuyển đổi số.	- Đã ban hành Kế hoạch triển khai khâu đột phá của tỉnh, đơn vị: 50% điểm. - Đã hoàn thành nhiệm vụ được giao: Tỷ lệ nhân 50% điểm. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Phòng VHTT cung cấp kế hoạch, văn bản của UBND thành phố (<i>các phòng CM văn bản triển khai của đơn vị</i>)
6	Ban hành văn bản đôn đốc, cải thiện Chỉ số Chuyển đổi số trong năm vừa qua	- Ban hành kịp thời: điểm tối đa. - Ban hành không kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
7	Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng biểu mẫu về tình hình ứng dụng CNTT, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (tháng, quý)	- Báo cáo đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Đầy đủ nhưng chưa kịp thời: 50% điểm - Kịp thời nhưng chưa đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
III	HẠ TẦNG SỐ			3	0	0	
1	Tỷ lệ máy tính được trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức	Tổng số máy vi tính/Tổng số CBCC, VC - 100% máy tính: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VHTT
2	Ứng dụng mạng số liệu chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan	- Đã sử dụng: điểm tối đa - Chưa sử dụng: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet	Số lượng máy tính có kết nối Internet đảm bảo băng thông nhằm phục vụ công việc theo quy định (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật) - 100% máy tính có kết nối Internet: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
IV	NHÂN LỰC SỐ			8	0	0	
1	Tổ công nghệ số cộng đồng tại xã, phường, thị trấn và thôn, ấp, khu phố.	- Đã kiện toàn đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa; - Chưa kiện toàn đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
2	Phân công công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT, chuyên đổi số.	- Có Quyết định hoặc văn bản phân công chuyên trách: 50% điểm. - Có Quyết định hoặc văn bản phân công kiêm nhiệm: 50% điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VH TT
3	Phân công công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng.	- Có Quyết định hoặc văn bản phân công chuyên trách: 50% điểm. - Có Quyết định hoặc văn bản phân công kiêm nhiệm: 50% điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký, tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về CNTT, chuyên đổi số trong năm do Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.	- Có đăng ký: 1 điểm. - Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: 2 điểm. - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa. - Không đăng ký: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia các buổi hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyên đổi số, an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.	- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa. - Không tham dự: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
6	Tỷ lệ CBCC, VC tại các phòng, ban cấp huyện, đơn vị cấp xã được tổ chức tập huấn, đào tạo về ứng dụng CNTT, chuyên đổi số trong năm.	Số lượng CBCC, VC đã được tổ chức tập huấn, đào tạo/ Tổng số CBCC, VC * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
V	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG			7	0	0	
1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	- Số lượng H TTTT đã phê duyệt đầy đủ: điểm tối đa. - Số lượng H TTTT chưa phê duyệt đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Văn phòng HĐND và UBND cung cấp HS của TP, Phòng VH TT cung cấp của các đơn vị phường, xã
2	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan đã xây dựng và hoàn thành phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	- Đã xây dựng và hoàn thành phương án ATTT: điểm tối đa. - Chưa hoàn thành: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
3	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức ngay khi nhận thông tin (không quá 03	- Phổ biến kịp thời: điểm tối đa. - Chưa kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Phòng VH TT

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
4	Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền	Số máy tính cài phần mềm virus/tổng số máy tính (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật) - 100% được cài đặt: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Phòng VHTT
5	Phát hiện và xử lý sự cố (tự phát hiện hoặc nhận được cảnh báo)	- Có xảy ra sự cố: 50% điểm + Báo cáo ngay (không quá 01 ngày) sự việc cho lãnh đạo cơ quan và chuyển văn bản cho cơ quan chuyên môn (Sở Thông tin và Truyền thông): 25% điểm. + Thực hiện theo đúng quy trình về đảm bảo an toàn thông tin: 25% điểm - Không xảy ra sự cố: điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Phòng Nội vụ
6	Tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, diễn tập tác chiến về ATTT và các lớp về ATTT.	- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
7	Kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức về ATTT.	- Có bố trí kinh phí và thực hiện: điểm tối đa. - Không bố trí: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
8	Kinh phí đào tạo, tập huấn về ATTT.	- Có bố trí kinh phí và thực hiện: điểm tối đa. - Không bố trí: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			NV này của PVHTT và TCKH
VI	CHÍNH QUYỀN SỐ			50	0	0	
1	Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành: (không áp dụng với văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước)						
1.1	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý theo quy trình phần mềm	Số văn bản đến theo quy trình/tổng số văn bản đến - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.2	Tỷ lệ văn bản đi được xử lý theo quy trình phần mềm	Số văn bản đi theo quy trình/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản qua môi trường mạng (liên thông phần mềm hoặc thư điện tử công vụ)	Số văn bản gửi liên thông/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Chữ ký số, chứng thư số						
2.1	Tỷ lệ cá nhân (lãnh đạo cơ quan) sử dụng chữ ký số được cấp	Số người sử dụng/số người được cấp - Sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Sử dụng chưa đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
2.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số của cá nhân lãnh đạo và ký số của tổ chức (ký số cả 2 hình thức)	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	3			Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Phòng VHTT

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
2.3	Tỷ lệ văn bản đến được số hóa từ văn bản giấy (scan và ký số)	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đến nhận giấy - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Phòng VHTT thống kê, các phòng, ban chuyên môn cung cấp
2.4	Tỷ lệ văn bản đi có đính kèm phụ lục được ký số theo quy định	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đi có phụ lục - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Phòng VHTT cung cấp vb tham mưu UBND TP; Các đơn vị cung cấp VB triển khai của
3	Ứng dụng chuyên ngành						Các cơ quan đơn vị: Thống kê báo cáo theo mức độ xử lý phản ánh trên IOC tỉnh (100% đăng nhập Tk IOC tỉnh)
3.1	Sử dụng các phần mềm, CSDL, HTTT do sở, ngành triển khai	- Đã sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa sử dụng đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phường, xã, Văn bản đôn đốc của TP, kết quả xử lý
3.2	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	- Đã sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa sử dụng đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3.3	Tỷ lệ CBCC, VC lãnh đạo sử dụng app IOC tỉnh	Số lượng CBCC, VC lãnh đạo có tài khoản IOC đã được cấp phát, sử dụng/ Tổng số CBCC, VC lãnh đạo * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Các phòng chuyên môn cung cấp theo lĩnh vực đơn vị mình
3.4	Triển khai, cập nhật theo Kế hoạch công bố dữ liệu mở.	- Đã triển khai văn bản: 50% điểm. - Đã cập nhật đầy đủ, đúng thời gian quy định: 50% điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
4	Số hóa kết quả hồ sơ giải quyết TTHC						
4.1	Triển khai văn bản số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.	- Đã triển khai kịp thời: điểm tối đa. - Chưa triển khai kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Văn phòng HĐND và UBND;
4.2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.	- Đã thực hiện 100%: điểm tối đa. - Từ 95% - dưới 100%: 50% điểm. - Dưới 95%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Các phòng chuyên môn cung cấp theo lĩnh vực đơn vị mình
4.3	Đã sử dụng chức năng tái sử dụng kết quả đã được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	- Đã thực hiện từ 50% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 50%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5	HTTT Giải quyết thủ tục hành chính						
5.1	Cung cấp đầy đủ, kịp thời DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	- Đã cung cấp: điểm tối đa. - Chưa cung cấp: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
5.2	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trên Cổng DVCQG.	- Từ 85% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 85%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Các phòng chuyên môn cung cấp theo lĩnh vực đơn vị mình
5.3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ	Số DVC trực tuyến toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến/ Tổng số DVC trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến + trực tiếp) - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 80%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đúng hạn/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tiếp và trực tuyến - 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến và đúng hạn: điểm tối đa. - Từ 95% - dưới 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến và đúng hạn: 50% điểm - Dưới 95%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.5	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến - Từ 70% hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa trở lên: điểm tối đa. - Từ 50% - dưới 70% hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa: 50% điểm. - Dưới 50%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tiếp và trực tuyến toàn trình - Từ 30% hồ sơ trực tuyến toàn trình trở lên: điểm tối đa. - Từ 20% - dưới 30% hồ sơ trực tuyến toàn trình: 50% điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.7	Triển khai các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến	- Đã ban hành Quyết định, Kế hoạch kịp thời trong năm: 1 điểm. - Đã ban hành văn bản đôn đốc kịp thời: 1 điểm. - Triển khai các giải pháp theo Quyết định của tỉnh: + Triển khai đầy đủ: 6 điểm. + Không đầy đủ: Tỷ lệ nhân 6 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	8			Theo Kế hoạch 9345/KH-UBND ngày 26/8/2024 (các phòng chuyên môn được phân công theo lĩnh vực)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
5.8	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	Số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến / Tổng số hồ sơ đã thanh toán trên Cổng DVC tỉnh/ Cổng DVCQG. - Từ 85% trở lên: điểm tối đa. - Từ 70% - dưới 85%: 50% điểm. - Dưới 70%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Các phòng chuyên môn cung cấp theo lĩnh vực đơn vị mình
5.9	Tỷ lệ giá trị thanh toán trực tuyến	Số giá trị thanh toán trực tuyến / Tổng số giá trị thanh toán trên Cổng DVC tỉnh/ Cổng DVCQG. - Từ 40% trở lên: điểm tối đa. - Từ 30% - dưới 40%: 50% điểm. - Dưới 30%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Các phòng chuyên môn cung cấp theo lĩnh vực đơn vị mình
6	Công/Trang thông tin điện tử						
6.1	Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			Văn phòng HĐND và UBND Thành phố chịu trách nhiệm đăng tải; các phòng ban rà soát và cung cấp thông tin
6.2	Cập nhật kịp thời các thông tin theo quy định như Thông tin chỉ đạo điều hành; lịch làm việc; số điện thoại liên hệ từ lãnh đạo phòng trở lên. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.3	Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản QPPL, văn bản hành chính của Chính phủ, Bộ, ngành, UBND tỉnh, UBND cấp huyện.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			
6.4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch ngành, Kế hoạch phát triển KTXH, KH sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. Quy hoạch của tỉnh BR-VT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thông tin dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.5	Chuyên mục Hỏi - Đáp	- Có phát sinh câu hỏi và trả lời đúng thời gian quy định: điểm tối đa. - Không có phát sinh câu hỏi và trả lời: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	0.5			
6.6	Thường xuyên cập nhật tin, bài hoạt động của cơ quan, đơn vị (bình quân 5 tin/tháng)	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
6.7	Các chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin (tăng, giảm cỡ chữ; bộ đọc bài viết,...); chức năng cho phép người dân đánh giá chất lượng phục vụ của cá nhân, tổ chức; App dành cho di động.	- Có chức năng đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			theo quy định của ngành
6.8	Giao diện thân thiện, dễ nhìn, dễ tìm kiếm thông tin, nội dung, chất lượng cung cấp; có chuyên mục thủ tục hành chính và liên kết đến Cổng DVC tỉnh	- Có chức năng đánh giá giao diện: 50% điểm. - Có chức năng liên kết: 50% điểm. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.9	Có chuyên mục dự thảo văn bản/dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đăng tải kịp thời, đầy đủ các nội dung để lấy ý kiến về dự thảo chính sách, pháp luật.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			
6.10	Cho phép tìm kiếm đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; có liên kết đến công/trang TTĐT của tỉnh, sở, ban, ngành, địa phương.	- Có chức năng tìm kiếm đầy đủ, chính xác: 50% điểm. - Có chức năng liên kết đầy đủ: 50% điểm. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.11	Công/trang TTĐT có chức năng hỗ trợ mạng xã hội.	- Có chức năng: điểm tối đa. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.12	Tuân thủ việc cấp mã, kết nối tới Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống	- Đã cấp mã và kết nối tới EMC: điểm tối đa. - Chưa thực hiện: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			Văn phòng HỖND và UBND Thành phố
6.13	Cập nhật đầy đủ văn bản của Chính phủ, Tỉnh, đơn vị về Chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong năm	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			Phòng VH TT, Phòng TC-KH, Phòng Nội vụ rà soát và cung cấp, Văn phòng đăng tải
6.14	Tuyên truyền các văn bản về chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			
7	Chi ngân sách nhà nước						Phòng VH TT cung cấp vb tham mưu UBND TP; Các đơn vị cung cấp VB triển khai của
7.1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Chi ngân sách nhà nước cho Chính quyền số/Tổng chi ngân sách (chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên) - Từ 1% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 1%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VH TT cung cấp vb tham mưu UBND TP; Các đơn vị cung cấp VB triển khai của

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
VII	KINH TẾ SỐ			4	0	0	Phòng VH TT cung cấp vb tham mưu UBND TP; Các đơn vị cung cấp VB triển khai của
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, thúc đẩy, hướng dẫn CBCCVC, người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số tại địa chỉ smedx.vn ; dbi.gov.vn theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng Kinh tế
2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số theo Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VH TT cung cấp vb tham mưu UBND TP; Các đơn vị cung cấp VB triển khai của
3	Khuyến khích ứng dụng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong xã hội.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Số lượng sản phẩm có giấy chứng nhận OCOP của đơn vị đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.	- Đã đưa lên sàn đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Chưa đưa lên đầy đủ: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Phòng VH TT
5	Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử gắn với phát triển kinh tế số.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			Phòng VH TT
VIII	XÃ HỘI SỐ			12	0	0	Phòng LĐTBXH
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng, tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản như sử dụng DVCTT, thanh toán trực tuyến...	- Triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Phòng VH TT
2	Tăng cường tuyên truyền, đơn đốc CBCCVC sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, truyền hình cáp và thanh toán trực tuyến khi thực hiện DVCTT theo Quyết định 588/QĐ-UBND ngày 27/02/2022 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Đã triển khai nhưng chưa đầy đủ : 50% điểm. - Chưa triển khai: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Công an TP

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
3	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập, tập huấn kỹ năng số cơ bản.	- Số lượng người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập, tập huấn kỹ năng số cơ bản/ Tổng số người dân trong độ tuổi lao động. - Từ 70% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 70%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			Công an TP (lấy theo TK định danh điện tử)
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn triển khai hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	- Triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa triển khai đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VH TT
5	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử.	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Từ 70% - dưới 80%: 50% điểm. - Dưới 70%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Phòng VH TT, Phòng Kinh tế
6	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản dịch vụ công trực tuyến.	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản DVCTT / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Từ 75% - dưới 80%: 50% điểm. - Dưới 75%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			Công an cung cấp số lượng người có tài khoản VNeID
7	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (trừ CBCCVVC đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp theo quy định).	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có CKS hoặc CK điện tử / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 30% trở lên: điểm tối đa. - Từ 20% - dưới 30%: 50% điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
8	Tỷ lệ thanh toán KDTM tại siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiểu thương theo quy định.	Số lượng các cơ sở chấp nhận thanh toán KDTM/ Tổng số cơ sở trên địa bàn - Từ 95% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 95%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
IX	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ						
1	Điểm thưởng						
1.1	Trên 50% hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình.		Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.2	Trên 50% người dân từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (trừ CBCCVVC đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp theo quy định).		Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Điểm trừ						
2.1	Chưa hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh, đơn vị		Văn bản, tài liệu chứng minh	-1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt được	Đơn vị phụ trách cung cấp
2.2	Chưa hoàn thành 100% nhiệm vụ đột phá về chuyển đổi số của tỉnh, đơn vị		Văn bản, tài liệu chứng minh	-1			
TỔNG ĐIỂM				100	0	0	

CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Công văn số/UBND-VHTT ngày tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
I	NHẬN THỨC SỐ			6	0	0	0
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số	- Bí thư hoặc Chủ tịch UBND cấp xã là Trưởng BCĐ: 50% điểm. - Người đứng đầu các bộ phận liên quan cấp xã tham gia thành viên BCĐ: 50% điểm. - Không đúng thành phần theo quy định: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Trưởng BCĐ chủ trì các buổi họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số	- Chủ trì đầy đủ: điểm tối đa - Chủ trì không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa - Không phát sinh cuộc họp: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số do Trưởng BCĐ ký phát hành	Số lượng văn bản do Trưởng BCĐ ký về chuyển đổi số/Tổng số văn bản về chuyển đổi số - 100% văn bản triển khai kịp thời: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Lãnh đạo đơn vị tham dự đầy đủ các buổi Hội nghị, hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin do UBND cấp huyện tổ chức	- Tham dự đầy đủ: điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5	Hệ thống đài truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
6	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: điểm tối đa. - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần/12 tháng: 50% điểm. - Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
II	THỂ CHẾ SỐ			11	0	0	0
1	Lập, xây dựng, ban hành Kế hoạch hằng năm của cơ quan, đơn vị về chuyển đổi số theo đúng thời gian, biểu mẫu quy định	- Lập kế hoạch theo đúng thời gian, biểu mẫu: 1 điểm. - Đã ban hành KH theo đúng thời gian, biểu mẫu quy định: 1 điểm. - Thực hiện chưa theo đúng quy định: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
2	Ban hành văn bản đôn đốc bộ phận, CBCC triển khai các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số trong năm.	- Đã ban hành kịp thời: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29/02/2024, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024)	- Đã triển khai: Điểm tối đa - Chưa triển khai: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Ban hành danh mục DVCTT toàn trình, một phần giảm thời gian khi thực hiện trực tuyến và đề nghị cấu hình kịp thời lên HTTT giải quyết TTHC tỉnh.	- Đã ban hành và cấu hình kịp thời: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5	Xây dựng Kế hoạch đột phá về chuyển đổi số.	- Đã ban hành Kế hoạch triển khai khâu đột phá của tỉnh, đơn vị: 50% điểm. - Đã hoàn thành nhiệm vụ được giao: Tỷ lệ nhân 50% điểm. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
6	Ban hành văn bản đôn đốc, các nhiệm vụ Chỉ số Chuyển đổi số trong năm vừa	- Ban hành kịp thời: điểm tối đa. - Ban hành không kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
7	Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng biểu mẫu về tình hình ứng dụng CNTT, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (tháng, quý)	- Báo cáo đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Đầy đủ nhưng chưa kịp thời: 50% điểm - Kịp thời nhưng chưa đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
III	HẠ TẦNG SỐ			3	0	0	0
1	Tỷ lệ máy tính được trang bị cho cán bộ, công chức	Tổng số máy vi tính/Tổng số CBCC - 100% máy tính: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Ứng dụng mạng số liệu chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan	- Đã sử dụng: điểm tối đa - Chưa sử dụng: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
3	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet	Số lượng máy tính có kết nối Internet đảm bảo bằng thông nhằm phục vụ công việc theo quy định (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật) - 100% máy tính có kết nối Internet: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
IV	NHÂN LỰC SỐ			10	0	0	0
1	Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, ấp, khu phố	- Đã kiện toàn đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa; - Chưa kiện toàn đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
2	Tổ công nghệ số cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	- Đã kiện toàn: Điểm tối đa; - Chưa kiện toàn: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ về CNTT, chuyển đổi số, ATTT.	- Có Quyết định hoặc văn bản phân công đầy đủ: điểm tối đa. - Phân công không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Cán bộ, công chức đăng ký, tham gia các khóa tập huấn, đào tạo về CNTT, chuyển đổi số trong năm do Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.	- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa. - Không tham dự: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5	CBCC tham gia các buổi hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyển đổi số do UBND cấp huyện tổ chức	- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: điểm tối đa. - Không tham dự: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
6	CBCC tham gia các khóa đào tạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số do UBND cấp huyện tổ chức	- Tham dự đầy đủ, xuyên suốt: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa. - Không tham dự: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
V	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG			3	0	0	0
1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	- Số lượng HTTT đã phê duyệt đầy đủ: điểm tối đa. - Số lượng HTTT chưa phê duyệt đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
2	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan đã xây dựng và hoàn thành phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	- Đã xây dựng và hoàn thành phương án ATTT: điểm tối đa. - Chưa hoàn thành: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức ngay khi nhận thông tin (không quá 03 ngày)	- Phổ biến kịp thời: điểm tối đa. - Chưa kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
4	Tỷ lệ máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền	Số máy tính cài phần mềm virus/tổng số máy tính (trừ máy tính soạn thảo văn bản mật) - 100% được cài đặt: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
5	Kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức về ATTT.	- Có bố trí kinh phí và thực hiện: điểm tối đa. - Không bố trí: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
VI	CHÍNH QUYỀN SỐ			50	0	0	0
1	Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành: (không áp dụng với văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước)						
1.1	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý theo quy trình phần mềm	Số văn bản đến theo quy trình/tổng số văn bản đến - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.2	Tỷ lệ văn bản đi được xử lý theo quy trình phần mềm	Số văn bản đi theo quy trình/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản qua môi trường mạng (liên thông phần mềm hoặc thư điện tử công vụ)	Số văn bản gửi liên thông/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
2	Chữ ký số, chứng thư số						
2.1	Tỷ lệ cá nhân (lãnh đạo cơ quan) sử dụng chữ ký số được cấp	Số người sử dụng/số người được cấp - Sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Sử dụng chưa đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
2.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số của cá nhân lãnh đạo và ký số của tổ chức (ký số cả 2 hình thức)	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đi - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	3			
2.3	Tỷ lệ văn bản đến được số hóa từ văn bản giấy (scan và ký số)	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đến nhận giấy - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
2.4	Tỷ lệ văn bản đi có đính kèm phụ lục được ký số theo quy định	Số văn bản được ký số/tổng số văn bản đi có phụ lục - 100% văn bản: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
3	Ứng dụng chuyên ngành						
3.1	Sử dụng các phần mềm, CSDL, HTTT do sở, ngành triển khai	- Đã sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa sử dụng đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3.2	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	- Đã sử dụng đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa sử dụng đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3.3	Tỷ lệ CBCC lãnh đạo sử dụng app IOC tỉnh	Số người CBCC lãnh đạo có tài khoản IOC đã được cấp phát, sử dụng/ Tổng số CBCC lãnh đạo * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3.4	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của người dân được xử lý đúng tiến độ, kịp thời trên hệ thống Phản ánh hiện trường.	- Đã xử lý đúng tiến độ, kịp thời: điểm tối đa. - Chưa đúng tiến độ, kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
4	Số hóa kết quả hồ sơ giải quyết TTHC						
4.1	Triển khai văn bản số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.	- Đã triển khai kịp thời: điểm tối đa. - Chưa triển khai kịp thời: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
4.2	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.	- Đã thực hiện 100%: điểm tối đa. - Từ 95% - dưới 100%: 50% điểm. - Dưới 95%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
4.3	Đã sử dụng chức năng tái sử dụng kết quả đã được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	- Đã thực hiện từ 50% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 50%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5	HTTT Giải quyết thủ tục hành chính						
5.1	Cung cấp đầy đủ, kịp thời DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	- Đã cung cấp: điểm tối đa. - Chưa cung cấp: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
5.2	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trên Cổng DVCQG.	- Từ 85% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 85%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5.3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ	Số DVC trực tuyến toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến/ Tổng số DVC trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến + trực tiếp) - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 80%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đúng hạn/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tiếp và trực tuyến - 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến và đúng hạn: điểm tối đa. - Từ 95% - dưới 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến và đúng hạn: 50% điểm - Dưới 95%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.5	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến - Từ 70% hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa trở lên: điểm tối đa. - Từ 50% - dưới 70% hồ sơ giải quyết trực tuyến từ xa: 50% điểm. - Dưới 50%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
5.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình/Tổng số hồ sơ giải quyết trực tiếp và trực tuyến toàn trình - Từ 30% hồ sơ trực tuyến toàn trình trở lên: điểm tối đa. - Từ 20% - dưới 30% hồ sơ trực tuyến toàn trình: 50% điểm - Dưới 20%: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
5.7	Triển khai các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Đã ban hành Quyết định, Kế hoạch kịp thời trong năm: 1 điểm. - Đã ban hành văn bản đôn đốc kịp thời: 1 điểm. - Triển khai các giải pháp theo Quyết định của tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai đầy đủ: 6 điểm. + Không đầy đủ: Tỷ lệ nhân 6 điểm. 	Văn bản, tài liệu chứng minh	8			
5.8	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	<p>Số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến / Tổng số hồ sơ đã thanh toán trên Cổng DVC tỉnh/ Cổng DVCQG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 85% trở lên: điểm tối đa. - Từ 70% - dưới 85%: 50% điểm. - Dưới 70%: 0 điểm 	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5.9	Tỷ lệ giá trị thanh toán trực tuyến	<p>Số giá trị thanh toán trực tuyến / Tổng số giá trị thanh toán trên Cổng DVC tỉnh/ Cổng DVCQG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 40% trở lên: điểm tối đa. - Từ 30% - dưới 40%: 50% điểm. - Dưới 30%: 0 điểm 	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
6	Công/Trang thông tin điện tử						
6.1	Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa 	Công/trang TTĐT	0.5			
6.2	Cập nhật kịp thời các thông tin theo quy định như Thông tin chỉ đạo điều hành; lịch làm việc; số điện thoại liên hệ của bộ phận, CBCC. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa 	Công/trang TTĐT	1			
6.3	Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản QPPL, văn bản hành chính của Chính phủ, Bộ, ngành, UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa 	Công/trang TTĐT	0.5			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
6.4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch ngành, Kế hoạch phát triển KTXH, KH sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. Quy hoạch của tỉnh BR-VT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thông tin dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.5	Chuyên mục Hỏi - Đáp	- Có phát sinh câu hỏi và trả lời đúng thời gian quy định: điểm tối đa. - Không có phát sinh câu hỏi và trả lời: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	0.5			
6.6	Thường xuyên cập nhật tin, bài hoạt động của cơ quan, đơn vị (bình quân 5 tin/tháng)	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	0.5			
6.7	Các chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin (tăng, giảm cỡ chữ; bộ đọc bài viết,...); chức năng cho phép người dân đánh giá chất lượng phục vụ của cá nhân, tổ chức; App dành cho di động.	- Có chức năng đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.8	Giao diện thân thiện, dễ nhìn, dễ tìm kiếm thông tin, nội dung, chất lượng cung cấp; có chuyên mục thủ tục hành chính và liên kết đến Cổng DVC tỉnh	- Có chức năng đánh giá giao diện: 50% điểm. - Có chức năng liên kết: 50% điểm. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.9	Có chuyên mục dự thảo văn bản/dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đăng tải kịp thời, đầy đủ các nội dung để lấy ý kiến về dự thảo chính sách, pháp luật.	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.10	Cho phép tìm kiếm đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; có liên kết đến cổng/trang TTĐT của tỉnh, sở, ban, ngành, địa phương.	- Có chức năng tìm kiếm đầy đủ, chính xác: 50% điểm. - Có chức năng liên kết đầy đủ: 50% điểm. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.11	Công/trang TTĐT có chức năng hỗ trợ mạng xã hội.	- Có chức năng: điểm tối đa. - Chưa có chức năng: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
6.12	Tuân thủ việc cấp mã, kết nối tới Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC)	- Đã cấp mã và kết nối tới EMC: điểm tối đa. - Chưa thực hiện: 0 điểm.	Công/trang TTĐT	1			
6.13	Cập nhật đầy đủ văn bản của Chính phủ, Tỉnh, UBND cấp huyện, đơn vị về Chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong năm	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
6.14	Tuyên truyền các văn bản về chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong năm	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Công/trang TTĐT	1			
7	Chi ngân sách nhà nước						
7.1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Chi ngân sách nhà nước cho Chính quyền/Tổng chi ngân sách (chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên) - Từ 1% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 1%: Tỷ lệ nhân điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
VII	KINH TẾ SỐ			4	0	0	0
1	Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, thúc đẩy, hướng dẫn CBCCVN, người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số tại địa chỉ smedx.vn ; dbi.gov.vn theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số theo Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
3	Khuyến khích ứng dụng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong xã hội.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
4	Số lượng sản phẩm có giấy chứng nhận OCOPI của đơn vị đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.	- Đã đưa lên sàn đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Chưa đưa lên đầy đủ: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
5	Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử gắn với phát triển kinh tế số.	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	0.5			
VIII	XÃ HỘI SỐ			13	0	0	0
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng, tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản như sử dụng DVCTT, thanh toán trực	- Triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
2	Tăng cường tuyên truyền, đơn đốc CBCCVC sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, truyền hình cáp và thanh toán trực tuyến khi thực hiện DVCTT theo Quyết định 588/QĐ-UBND ngày 27/02/2022 của UBND tỉnh.	- Đã triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Đã triển khai nhưng chưa đầy đủ : 50% điểm. - Chưa triển khai: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
3	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập, tập huấn kỹ năng số cơ bản.	- Số lượng người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập, tập huấn kỹ năng số cơ bản/ Tổng số người dân trong độ tuổi lao động. - Từ 70% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 70%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
4	Triển khai hệ thống đại truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	- Triển khai đầy đủ: điểm tối đa. - Chưa triển khai đầy đủ: Tỷ lệ nhân điểm tối đa.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
5	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử.	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Từ 70% - dưới 80%: 50% điểm. - Dưới 70%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Cách xác định và tính điểm	Tài liệu kiểm chứng	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm UBND cấp huyện thẩm định	Điểm đạt được
6	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản dịch vụ công trực tuyến.	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản DVCTT / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 80% trở lên: điểm tối đa. - Từ 75% - dưới 80%: 50% điểm. - Dưới 75%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
7	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (trừ CBCCVC đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp theo quy định).	Số lượng người dân từ 15 tuổi trở lên có CKS hoặc CK điện tử / Tổng số người dân từ 15 tuổi trở lên: - Từ 30% trở lên: điểm tối đa. - Từ 20% - dưới 30%: 50% điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
8	Tỷ lệ thanh toán KDTM tại siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiêu thương theo quy định.	Số lượng các cơ sở chấp nhận thanh toán KDTM/ Tổng số cơ sở trên địa bàn - Từ 95% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 95%: 0 điểm.	Văn bản, tài liệu chứng minh	2			
IX	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ						
1	Điểm thưởng						
1.1	Trên 50% hồ sơ trực tuyến được thực hiện toàn trình.		Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
1.2	Trên 50% người dân từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (trừ CBCCVC đã được Ban Cơ yếu Chính phủ cấp theo quy định).		Văn bản, tài liệu chứng minh	1			
2	Điểm trừ						
2.1	Chưa hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh, đơn vị		Văn bản, tài liệu chứng minh	-1			
2.2	Chưa hoàn thành 100% nhiệm vụ đột phá về chuyển đổi số của tỉnh, đơn vị		Văn bản, tài liệu chứng minh	-1			
TỔNG ĐIỂM				100	0	0	0